

THỜI KHÓA BIỂU VHPT TUẦN 36 KHỐI 10 - TC K40 HỆ SONG BẰNG (NĂM HỌC 2022 - 2023)

Từ ngày 08/5/2023 đến ngày 13/5/2023

Thứ	B	T	10A1			P	10A2			P	10A3			P	
			LỚP TC - K40				CNKT ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG (10A2)				KỸ THUẬT MÁY LẠNH & ĐHKK (10A3) 35			ĐIỆN - NƯỚC (10A3) 13	
2	Sáng (VHPT)		Chào cờ - Sân nhà A6 (từ 7h10' - 7h30')												
		1	Vật lý	Cô Loan	A6-303	Lịch sử	Cô N.Hà	A6-302	Ngữ văn		Cô Nhung	A6-301			
		2	Hóa học	Cô Yến		Vật lý	Cô Loan		Ngữ văn		Cô Nhung				
		3	Ngữ văn	Cô Nhung		Địa lý	Cô Phi		Tiếng Anh		Cô Trà				
	4	Ngữ văn	Cô Nhung	Địa lý		Cô Phi	Tiếng Anh			Cô Trà					
	Chiều (Nghề)	5	Xem lịch học các lớp TC theo nghề K40			KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ ĐO LƯỜNG ĐIỆN CÔ P.THÚY - THẦY HIỆN		A11.203	KỸ THUẬT LẠNH CƠ BẢN THẦY QUỲNH		A11.201				
		6													
		7													
		8													
3	Sáng (VHPT)	1	Toán	Thầy Chữ	A6-303	Tiếng Anh	Cô L.Anh	A6-302	Toán		Thầy Hiếu	A6-301			
		2	Toán	Thầy Chữ		Tiếng Anh	Cô L.Anh		Toán		Thầy Hiếu				
		3	Tiếng Anh	Cô Trà		Ngữ văn	Cô Thủy		Ngữ văn		Cô Nhung				
		4				Ngữ văn	Cô Thủy		Ngữ văn		Cô Nhung				
	Chiều (Nghề)	5	Xem lịch học các lớp TC theo nghề K40			KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ ĐO LƯỜNG ĐIỆN CÔ P.THÚY - THẦY HIỆN		A11.203			KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐO LƯỜNG ĐIỆN THẦY N.LONG		TẦNG 1 - A6		
		6													
		7													
		8													
4	Sáng (VHPT)	1	Sinh học	Cô M.Thúy	A6-303	Toán	Cô Nguyệt	A6-302	Địa lý		Cô T.Hương	A6-301			
		2	Sinh học	Cô M.Thúy		Toán	Cô Nguyệt		Địa lý		Cô T.Hương				
		3	Ngữ văn	Cô Nhung		Sinh học	Cô M.Thúy		Vật lý		Thầy Cầu				
		4	Lịch sử	Cô L.Hoa		Sinh học	Cô M.Thúy		Vật lý		Thầy Cầu				
	Chiều (Nghề)	5	Xem lịch học các lớp TC theo nghề K40			ĐIỆN TỬ CƠ BẢN THẦY THỤ - CÔ N.THỦY		A6.102	KỸ THUẬT LẠNH CƠ BẢN THẦY QUỲNH		A11.201	Thi : VỀ KỸ THUẬT P.QLĐT		A6-304	
		6													
		7													
		8													
5	Sáng (VHPT)	1	Tiếng Anh	Cô Trà	A6-303	Toán	Cô Nguyệt	A6-302	Toán		Thầy Hiếu	A6-301			
		2	Tiếng Anh	Cô Trà		Toán	Cô Nguyệt		Toán		Thầy Hiếu				
		3	Toán	Thầy Chữ		Tiếng Anh	Cô L.Anh		Lịch sử		Cô L.Hoa				
		4	Toán	Thầy Chữ											
	Chiều (Nghề)	5	Xem lịch học các lớp TC theo nghề K40			ĐIỆN TỬ CƠ BẢN THẦY THỤ - CÔ N.THỦY		A6.102	GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ THẦY THẮNG		A12.201				
		6													
		7													
		8													
6	Sáng (VHPT)	1	Ngữ văn	Cô Nhung	A6-303	Hóa học	Thầy Tú	A6-302	Tiếng Anh		Cô Trà	A6-301			
		2	Ngữ văn	Cô Nhung		Hóa học	Thầy Tú		Tiếng Anh		Cô Trà				
		3	Hóa học	Cô Yến		Vật lý	Cô Loan		Ngữ văn		Cô Nhung				
		4	Sinh hoạt	Cô M.Thúy		Sinh hoạt	Cô N.Thủy		Sinh hoạt		Thầy Chính				
	Chiều (Nghề)	5	Xem lịch học các lớp TC theo nghề K40			KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ ĐO LƯỜNG ĐIỆN CÔ P.THÚY - THẦY HIỆN		A11.203	KỸ THUẬT LẠNH CƠ BẢN THẦY QUỲNH		A11.201	GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ THẦY THẮNG		A12.201	
		6										PHÁP LUẬT THẦY MINH			
		7													
		8													
7	Sáng (VHPT)	1	Hóa học	Cô Yến	A6-303	Ngữ văn	Cô Thủy	A6-302	Sinh học		Cô Mai	A6-301			
		2	Hóa học	Cô Yến		Ngữ văn	Cô Thủy		Sinh học		Cô Mai				
		3	Địa lý	Cô T.Hương		Địa lý	Cô Phi		Hóa học		Thầy Tú				
		4	Địa lý	Cô T.Hương		Địa lý	Cô Phi		Hóa học		Thầy Tú				

Thời gian học: Lý thuyết: Sáng 7h30' đến 11h00'(4 tiết) ; Chiều 13h30' đến 17h00 (4 tiết);

Thực hành,tích hợp: Sáng 7h30' đến 11h30' (4 giờ) ; Chiều 13h30' đến 16h50' (3 giờ)

THỜI KHÓA BIỂU VHPT TUẦN 36 KHỐI 10 - TC K40 HỆ SONG BẰNG (NĂM HỌC 2022 - 2023)

Từ ngày 08/5/2023 đến ngày 13/5/2023

Thứ	B	T	10A4		P	10A5		P	10A6		P	
			KTLĐ ĐIỆN & ĐIỀU KHIỂN TRONG CÔNG NGHIỆP (10A4 + 10A1)			CÔNG NGHỆ Ô TÔ 1 (10A5) 36			CÔNG NGHỆ Ô TÔ 2 (10A6+10A1) 33			
2	Sáng (VHPT)		Chào cờ - Sân nhà A6 (từ 7h10' - 7h30')									
		1	Hóa học	Thầy Thanh	A6-306	Tiếng Anh	Cô Quyên	A6-309	Vật lý	Thầy Cầu	A6-405	
		2	Sinh học	Cô Khuyên		Tiếng Anh	Cô Quyên		Vật lý	Thầy Cầu		
		3	Sinh học	Cô Khuyên		Ngữ văn	Cô V.Ngọc		Ngữ văn	Cô Thủy		
	4			Ngữ văn		Cô V.Ngọc	Ngữ văn		Cô Thủy			
	Chiều (Nghề)	5	GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ THẦY THẮNG		A12.201	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ SỬ DỤNG NL HIỆU QUẢ CÔ V.HIỀN		A6-502	KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ CƠ BẢN THẦY N.LONG		TẦNG 1 -NHÀ A6	
		6										
		7										
		8										
	3	Sáng (VHPT)	1	Địa lý	Thầy Chung	A6-306	Toán	Thầy Chiến	A6-309	Toán	Thầy Hưng	A6-405
			2	Địa lý	Thầy Chung		Toán	Thầy Chiến		Toán	Thầy Hưng	
			3	Vật lý	Thầy Long		Địa lý	Thầy Chung		Tiếng Anh	Cô Nga	
4			Vật lý	Thầy Long	Địa lý		Thầy Chung	Tiếng Anh		Cô Nga		
Chiều (Nghề)		5			A12.201	GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ THẦY THẮNG						
		6										
		7				PHÁP LUẬT THẦY MINH						
		8										
4	Sáng (VHPT)	1	Ngữ văn	Cô V.Ngọc	A6-306	Toán	Thầy Chiến	A6-309	Toán	Thầy Hưng	A6-405	
		2	Ngữ văn	Cô V.Ngọc		Toán	Thầy Chiến		Toán	Thầy Hưng		
		3	Toán	Cô Nguyệt		Lịch sử	Cô H.Vân		Hóa học	Thầy Thanh		
		4	Toán	Cô Nguyệt					Hóa học	Thầy Thanh		
	Chiều (Nghề)	5	Thi : VỀ KỸ THUẬT P.QLĐT		A6-502	CƠ KHÍ CƠ BẢN THẦY ĐỨC - THẦY N.T.ANH		PLAN A10	GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ THẦY THẮNG		A12.201	
		6							PHÁP LUẬT THẦY MINH			
		7										
		8										
5	Sáng (VHPT)	1	Hóa học	Thầy Thanh	A6-306	Sinh học	Cô Khuyên	A6-309	Tiếng Anh	Cô Nga	A6-405	
		2	Hóa học	Thầy Thanh		Sinh học	Cô Khuyên		Tiếng Anh	Cô Nga		
		3	Toán	Cô Nguyệt		Lịch sử	Cô H.Vân		Ngữ văn	Cô Thủy		
		4	Toán	Cô Nguyệt		Tiếng Anh	Cô Quyên		Ngữ văn	Cô Thủy		
	Chiều (Nghề)	5			PLAN A10	CƠ KHÍ CƠ BẢN THẦY ĐỨC - THẦY N.T.ANH			BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ SỬ DỤNG NL HIỆU QUẢ CÔ V.ÂN		A6-503	
		6										
		7				CƠ KHÍ CƠ BẢN THẦY ĐỨC - THẦY N.T.ANH						
		8										
6	Sáng (VHPT)	1	Lịch sử	Cô H.Vân	A6-306	Hóa học	Thầy Thanh	A6-309	Địa lý	Cô Phi	A6-405	
		2	Vật lý	Thầy Long		Hóa học	Thầy Thanh		Địa lý	Cô Phi		
		3	Tiếng Anh	Cô Hạnh		Tiếng Anh	Cô Quyên		Sinh hoạt	Cô Ngân		
		4	Sinh hoạt	Thầy Long		Sinh hoạt	Thầy V.Tú					
	Chiều (Nghề)	5			TẦNG 1 -NHÀ A6	KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ CƠ BẢN THẦY N.LONG			CƠ KHÍ CƠ BẢN THẦY ĐỨC - THẦY N.T.ANH		PLAN A10	
		6										
		7				KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ CƠ BẢN THẦY N.LONG						
		8										
7	Sáng (VHPT)	1	Tiếng Anh	Cô Hạnh	A6-306	Ngữ văn	Cô V.Ngọc	A6-309	Lịch sử	Cô P.Hương	A6-405	
		2	Tiếng Anh	Cô Hạnh		Ngữ văn	Cô V.Ngọc		Lịch sử	Cô P.Hương		
		3	Ngữ văn	Cô V.Ngọc		Vật lý	Thầy Cầu		Sinh học	Cô Mai		
		4	Ngữ văn	Cô V.Ngọc		Vật lý	Thầy Cầu		Sinh học	Cô Mai		

Thời gian học: Lý thuyết: Sáng 7h30' đến 11h00' (4 tiết) ; Chiều 13h30' đến 17h00 (4 tiết) ;

Thực hành,tích hợp: Sáng 7h30' đến 11h30' (4 giờ) ; Chiều 13h30' đến 16h50' (3 giờ)

THỜI KHÓA BIỂU VHPT TUẦN 36 KHỐI 10 - TC K40 HỆ SÔNG BÀNG (NĂM HỌC 2022 - 2023)

Từ ngày 08/5/2023 đến ngày 13/5/2023

Thứ	B	T	10A7		P	10A8			P		
			TIN HỌC ỨNG DỤNG 1 (10A7) 45			TIN HỌC UD 2 (10A8+10A1) 35		THIẾT KẾ ĐỒ HỌA 1 (10A8+10A1) 54			
2	Sáng (VHPT)	Chào cờ - Sân nhà A6 (từ 7h10' - 7h30')									
		1	Toán	Cô Trang	A6-403	Địa lý			Thầy Sơn		A6-402
		2	Toán	Cô Trang		Địa lý			Thầy Sơn		
		3	Vật lý	Cô N.Thu		Toán			Cô H.Anh		
	4	Vật lý	Cô N.Thu	Hóa học			Thầy Tú				
	Chiều (Nghề)	5	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ SỬ DỤNG NL HIỆU QUẢ CÔ V.ÂN			A6-501				A4.503	
		6									
		7									
8											
3	Sáng (VHPT)	1	Sinh học	Cô Khuyến	A6-403	Ngữ văn			Cô H.Hà		A6-402
		2	Địa lý	Cô T.Hương		Ngữ văn			Cô H.Hà		
		3	Tiếng Anh	Cô Tuyết		Tiếng Anh			Cô L.Anh		
		4	Tiếng Anh	Cô Tuyết		Tiếng Anh			Cô L.Anh		
	Chiều (Nghề)	5	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ SỬ DỤNG NL HIỆU QUẢ CÔ V.ÂN			A6-501	TIN HỌC THẦY THÁI			A4.503	
		6									
		7									
		8									
4	Sáng (VHPT)	1	Ngữ văn	Cô Vân	A6-403	Toán			Cô H.Anh		A6-402
		2	Ngữ văn	Cô Vân		Tiếng Anh			Cô L.Anh		
		3	Toán	Cô Trang		Tiếng Anh			Cô L.Anh		
		4									
	Chiều (Nghề)	5	TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CÔ CHI			A6-501	CƠ SỞ TẠO HÌNH TRONG THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CÔ MINH			A6.503	
		6									
		7									
		8									
5	Sáng (VHPT)	1	Tiếng Anh	Cô Tuyết	A6-403	Lịch sử			Cô N.Hà		A6-402
		2	Địa lý	Cô T.Hương		Lịch sử			Cô N.Hà		
		3	Ngữ văn	Cô Vân		Sinh học			Cô Khuyến		
		4	Ngữ văn	Cô Vân		Sinh học			Cô Khuyến		
	Chiều (Nghề)	5	TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH CÔ CHI							A6.503	
		6									
		7									
		8									
6	Sáng (VHPT)	1	Toán	Cô Trang	A6-403	Toán			Cô H.Anh		A6-402
		2	Sinh học	Cô Khuyến		Toán			Cô H.Anh		
		3	Tiếng Anh	Cô Tuyết		Hóa học			Thầy Tú		
		4	Sinh hoạt	Cô Vân		Sinh hoạt			Cô N.Thu		
	Chiều (Nghề)	5	LẬP TRÌNH C CÔ CHI - THẦY QUÝ			A4.502	TIN HỌC THẦY THÁI			A4.503	
		6									
		7	LẬP TRÌNH C CÔ CHI - THẦY QUÝ								
		8									
7	Sáng (VHPT)	1	Lịch sử	Cô L.Hoa	A6-403	Vật lý			Cô N.Thu		A6-402
		2	Lịch sử	Cô L.Hoa		Vật lý			Cô N.Thu		
		3	Hóa học	Cô Quỳnh		Ngữ văn			Cô H.Hà		
		4	Hóa học	Cô Quỳnh		Ngữ văn			Cô H.Hà		

Thời gian học: Lý thuyết: Sáng 7h30' đến 11h00' (4 tiết) ; Chiều 13h30' đến 17h00 (4 tiết);

Thực hành,tích hợp: Sáng 7h30' đến 11h30' (4 giờ) ; Chiều 13h30' đến 16h50' (3 giờ)

THỜI KHÓA BIỂU VHPT TUẦN 36 KHỐI 10 - TC K40 HỆ SONG BẰNG (NĂM HỌC 2022 - 2023)

Từ ngày 08/5/2023 đến ngày 13/5/2023

Thứ	B	T	10A9		P	10A10		P	10A11		P
			THIẾT KẾ ĐỒ HỌA 2 (10A9) 50			THIẾT KẾ NỘI THẤT (10A10+10A1) 31			NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN 1 (10A11) 48		
2	Sáng (VHPT)	Chào cờ - Sân nhà A6 (từ 7h10' - 7h30')									
		1	Tiếng Anh	Cô Trà	A6-406	Vật lý	Thầy Long	A6-310	Hóa học	Thầy Tú	A6-404
		2	Tiếng Anh	Cô Trà		Vật lý	Thầy Long		Hóa học	Thầy Tú	
		3	Lịch sử	Cô N.Hà		Hóa học	Cô Yến		Địa lý	Cô T.Hương	
		4	Sinh học	Thầy H.Phong		Hóa học	Cô Yến				
	Chiều (Nghề)	5				TIN HỌC ỨNG DỤNG 1 AUTOCAD THẦY VŨ - THẦY DANH	A4-502				
		6									
		7									
		8									
3	Sáng (VHPT)	1	Tiếng Anh	Cô Trà	A6-406	Toán	Thầy Hùng	A6-310	Tiếng Anh	Cô Quyên	A6-404
		2	Tiếng Anh	Cô Trà		Toán	Thầy Hùng		Tiếng Anh	Cô Quyên	
		3	Ngữ văn	Cô H.Hà		Lịch sử	Cô H.Vân		Ngữ văn	Thầy Nam	
		4	Ngữ văn	Cô H.Hà					Ngữ văn	Thầy Nam	
		Chiều (Nghề)	5	CƠ SỞ TẠO HÌNH TRONG THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CÔ MINH							
	6										
	7										
	8										
	4	Sáng (VHPT)	1	Hóa học	Cô Yến	A6-406	Tiếng Anh	Cô Trà	A6-310	Toán	Thầy Hiệp
2			Hóa học	Cô Yến	Tiếng Anh		Cô Trà	Toán		Thầy Hiệp	
3			Toán	Thầy Hưng	Địa lý		Cô Phi	Hóa học		Thầy Tú	
4			Toán	Thầy Hưng	Địa lý		Cô Phi	Địa lý		Cô T.Hương	
Chiều (Nghề)			5				TIN HỌC ỨNG DỤNG 1 AUTOCAD THẦY VŨ - THẦY DANH	A4-502	NGHIỆP VỤ BAR THẦY ĐỊNH - CÔ N.NHUNG		TH BAR - NHÀ B3
		6	NGHIỆP VỤ BAR THẦY ĐỊNH - CÔ N.NHUNG								
		7									
		8									
5		Sáng (VHPT)	1	Ngữ văn	Cô H.Hà	A6-406	Toán	Thầy Hùng	A6-310	Toán	Thầy Hiệp
	2		Ngữ văn	Cô H.Hà	Toán		Thầy Hùng	Toán		Thầy Hiệp	
	3		Toán	Thầy Hưng	Ngữ văn		Cô H.Hà	Ngữ văn		Thầy Nam	
	4				Ngữ văn		Cô H.Hà	Ngữ văn		Thầy Nam	
	Chiều (Nghề)		5	TIN HỌC THẦY THÁI			A4.503				
		6									
		7									
		8									
	6	Sáng (VHPT)	1	Lịch sử	Cô N.Hà	A6-406	Toán	Thầy Hùng	A6-310	Sinh học	Thầy H.Phong
2			Toán	Thầy Hưng	Toán		Thầy Hùng	Toán		Thầy Hiệp	
3			Sinh học	Thầy H.Phong	Tiếng Anh		Cô Trà	Toán		Thầy Hiệp	
4			Sinh hoạt	Thầy H.Phong	Sinh hoạt		Thầy Danh	Sinh hoạt		Cô Đ.Nga	
Chiều (Nghề)			5	CƠ SỞ TẠO HÌNH TRONG THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CÔ MINH			A6.503	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ SỬ DỤNG NL HIỆU QUẢ CÔ V.ÂN		NGHIỆP VỤ BÀN CÔ Đ.NGA - THẦY ĐỊNH	
		6	NGHIỆP VỤ BÀN CÔ Đ.NGA - THẦY ĐỊNH								
		7									
		8									
7		Sáng (VHPT)	1	Địa lý	Cô Phi	A6-406	Ngữ văn	Cô H.Hà	A6-310	Vật lý	Thầy Cầu
	2		Địa lý	Cô Phi	Ngữ văn		Cô H.Hà	Vật lý		Thầy Cầu	
	3		Vật lý	Cô N.Thu	Sinh học		Thầy H.Phong	Lịch sử		Cô P.Hương	
	4		Vật lý	Cô N.Thu	Sinh học		Thầy H.Phong	Lịch sử		Cô P.Hương	

Thời gian học: Lý thuyết: Sáng 7h30' đến 11h00' (4 tiết) ; Chiều 13h30' đến 17h00 (4 tiết);
Thực hành,tích hợp: Sáng 7h30' đến 11h30' (4 giờ) ; Chiều 13h30' đến 16h50' (3 giờ)

THỜI KHÓA BIỂU VHPT TUẦN 36 KHỐI 10 - TC K40 HỆ SONG BẰNG (NĂM HỌC 2022 - 2023)

Từ ngày 08/5/2023 đến ngày 13/5/2023

Thứ	B	T	10A12		P	10A13		P	10A14		P		
			NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN 2 (10A12) 46			NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN 3 (10A13) 50			KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP (10A14) 32				
2	Sáng (VHPT)	Chào cờ - Sảnh nhà A6 (từ 7h10' - 7h30')											
		1	Lịch sử	Cô P.Hương	A6-401	Tiếng Anh	Cô Tuyết	A6-407	Toán	Thầy Doanh	A6-408		
		2	Lịch sử	Cô P.Hương		Tiếng Anh	Cô Tuyết		Toán	Thầy Doanh			
		3	Toán	Thầy Doanh		Ngữ văn	Thầy V.Anh		Sinh học	Cô M.Thúy			
	4			Ngữ văn		Thầy V.Anh							
	Chiều (Nghề)	5	NGHIỆP VỤ BAR THẦY ĐỊNH - CÔ P.NHUNG			TH BAR - NHÀ B3	NGHIỆP VỤ BÀN CÔ Đ.NGA - CÔ N.THU		A12.104	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1 CÔ THỦY		A6.505	
		6								KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1 CÔ THỦY			
		7	NGHIỆP VỤ BAR THẦY ĐỊNH - CÔ P.NHUNG								KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1 CÔ THỦY		
8													
3	Sáng (VHPT)	1	Toán	Thầy Doanh	A6-401	Sinh học	Thầy H.Phong	A6-407	Vật lý	Cô Loan	A6-408		
		2	Toán	Thầy Doanh		Sinh học	Thầy H.Phong		Vật lý	Cô Loan			
		3	Sinh học	Cô Mai		Ngữ văn	Thầy V.Anh		Toán	Thầy Doanh			
		4	Sinh học	Cô Mai		Ngữ văn	Thầy V.Anh		Toán	Thầy Doanh			
	Chiều (Nghề)	5	NGHIỆP VỤ BAR THẦY ĐỊNH - CÔ P.NHUNG			TH BAR - NHÀ B3	NGHIỆP VỤ BÀN CÔ Đ.NGA - CÔ N.THU		A12.104	THUẾ CÔ HẠNH		A4-502	
		6								THUẾ CÔ HẠNH			
		7	NGHIỆP VỤ BAR THẦY ĐỊNH - CÔ P.NHUNG								THUẾ CÔ HẠNH		
		8											
4	Sáng (VHPT)	1	Ngữ văn	Thầy V.Anh	A6-401	Tiếng Anh	Cô Tuyết	A6-407	Địa lý	Cô Phi	A6-408		
		2	Ngữ văn	Thầy V.Anh		Tiếng Anh	Cô Tuyết		Địa lý	Cô Phi			
		3	Tiếng Anh	Cô Hạnh		Toán	Thầy Hiệp		Tiếng Anh	Cô Tuyết			
		4	Tiếng Anh	Cô Hạnh		Toán	Thầy Hiệp		Tiếng Anh				
	Chiều (Nghề)	5					NGHIỆP VỤ BÀN CÔ Đ.NGA - CÔ N.THU		A12.104	KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1 CÔ THỦY		A6.505	
		6								KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1 CÔ THỦY			
		7											
		8											
5	Sáng (VHPT)	1	Ngữ văn	Thầy V.Anh	A6-401	Lịch sử	Cô L.Hoa	A6-407	Ngữ văn	Cô Thủy	A6-408		
		2	Ngữ văn	Thầy V.Anh		Lịch sử	Cô L.Hoa		Địa lý	Cô Phi			
		3	Hóa học	Thầy Tú		Toán	Thầy Hiệp		Địa lý	Cô Phi			
		4	Hóa học	Thầy Tú					Tiếng Anh	Cô Tuyết			
	Chiều (Nghề)	5	NGHIỆP VỤ BÀN CÔ P.NHUNG - CÔ N.NHUNG			A12.104				KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1 CÔ THỦY		A6.505	
		6								KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1 CÔ THỦY			
		7	NGHIỆP VỤ BÀN CÔ P.NHUNG - CÔ N.NHUNG								KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 1 CÔ THỦY		
		8											
6	Sáng (VHPT)	1	Địa lý	Cô T.Hương	A6-401	Toán	Thầy Hiệp	A6-407	Ngữ văn	Cô Thủy	A6-408		
		2	Địa lý	Cô T.Hương		Tiếng Anh	Cô Tuyết		Toán	Thầy Doanh			
		3	Toán	Thầy Doanh		Địa lý	Cô Phi		Lịch sử	Cô N.Hà			
		4	Sinh hoạt	Cô N.Thủy		Sinh hoạt	Cô Quỳnh		Sinh hoạt	Cô Loan			
	Chiều (Nghề)	5				TH BAR - NHÀ B3	NGHIỆP VỤ BAR THẦY QUYẾT - CÔ N.NHUNG			Thi : LÝ THUYẾT THỐNG KÊ P.QLĐT		A6.505	
		6											
		7											
		8											
7	Sáng (VHPT)	1	Vật lý	Cô Loan	A6-401	Hóa học	Cô Quỳnh	A6-407	Hóa học	Thầy Tú	A6-408		
		2	Vật lý	Cô Loan		Hóa học	Cô Quỳnh		Hóa học	Thầy Tú			
		3	Tiếng Anh	Cô Hạnh		Vật lý	Cô Loan		Ngữ văn	Cô Thủy			
		4	Tiếng Anh	Cô Hạnh		Vật lý	Cô Loan		Ngữ văn	Cô Thủy			

Thời gian học: Lý thuyết: Sáng 7h30' đến 11h00' (4 tiết) ; Chiều 13h30' đến 17h00 (4 tiết);

Thực hành,tích hợp: Sáng 7h30' đến 11h30' (4 giờ) ; Chiều 13h30' đến 16h50' (3 giờ)